

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Xuân Chuyên.

2. Ngô Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST – HNGĐ ngày 21/4/2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐ-ST ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Cảm, xã Tân T, thành phố Bắc G, tỉnh B.

Địa chỉ hiện tại: Thôn Đa Cầu, phường Nam S, thành phố Bắc N, tỉnh N.

* **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ: Thôn Thanh Cảm, xã Tân T, thành phố Bắc G, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 08/3/2020 và bản tự khai ngày 08/3/2020 Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Ngày 24/4/2016, chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ra thuê nhà ở riêng tại Tiên Du, không ở cùng bố mẹ chồng. Ngày 08/12/2016, chị sinh bé gái là Hoàng Hải An. Sau khi chị sinh con thì anh T có ý định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng chị không đồng ý vì con còn nhỏ và điều kiện kinh tế không cho phép. Ngày 26/7/2017, bất chấp sự phản đối của chị, anh T vẫn đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Anh T hứa rằng khi đi lao động sẽ cố gắng hỗ trợ tài chính để nuôi con, tuy nhiên trong suốt thời gian gần 02 năm chị gần như không nhận được sự hỗ trợ gì. Tháng 7/2019 anh T vi phạm hợp đồng với Công ty tự ý ra ngoài làm việc tự do. Từ tháng 10/2019 đến nay mặc dù đã hết hạn cư trú hợp pháp nhưng anh T vẫn không trở về nước mà vẫn sinh sống bất hợp pháp ở đó. Trong khoảng thời gian này hai vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung: Cháu A, sinh ngày 08/12/2016. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành.

Tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H còn trình bày: Hiện nay, chị không xác định được địa chỉ cụ thể của anh T tại Nhật Bản nên chị không cung cấp cho Tòa án được do anh T đã hết hạn cư trú hiện đang sinh sống bất hợp pháp. Chị chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của anh Hoàng Văn T ở Việt Nam là tại thôn Thanh Cẩm, xã Tân T, thành phố Bắc G, tỉnh B. Chị đề nghị Tòa án xác minh và yêu cầu bố mẹ đẻ của anh T là ông Hoàng Văn N, sinh năm 1959, bà Lê Thị Ng, sinh năm 1964, cùng trú tại: Thôn Thanh Cẩm, xã Tân T, thành phố Bắc G, tỉnh B cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của anh Hải ở Nhật Bản cho Tòa án.

Do chị bận công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Hoàng Văn T được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T.

Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang lao động tại Nhật Bản, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 15/6/2020 và ngày 13/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Hoàng Văn T là ông Hoàng Văn N, sinh năm 1959 trú tại: Thôn Thanh Cẩm, xã Tân T, thành phố Bắc G, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông N thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Hoàng Văn T; yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông N cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Hoàng Văn T ở Nhật Bản. Tại buổi làm việc ngày 15/6/2020, ông N trình bày anh T hiện đang lao động tại Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, ông sẽ thông báo các yêu cầu của Tòa án cho anh T được biết. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 13/7/2020, ông N trình bày không thể thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Hoàng Văn T; yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án vì từ đó đến nay gia đình không liên lạc được với anh T. Tại cả hai buổi làm việc, Tòa án yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh T tại Nhật Bản thì ông N đều giữ nguyên quan điểm là ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Hoàng Văn T tại Nhật Bản cho Tòa án vì anh T không thông báo cho gia đình ông biết địa chỉ của anh T ở nước ngoài.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, Biên bản làm việc với bố đẻ của anh T là ông Hoàng Văn N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh B phát biểu:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

-Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về nuôi con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung là Cháu A, sinh ngày 08/12/2016 của chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành của chị H.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết, cho nên

không giải quyết trong vụ án này mà được giải quyết trong vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Hoàng Văn T là ông Hoàng Văn N để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông N thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Hoàng Văn T; yêu cầu anh Hải viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông N cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Hải ở Nhật Bản. Tại biên bản làm việc ngày 15/6/2020, ông N trình bày anh Hải vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà ông N vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn anh Hoàng Văn T cho Tòa án. Ông N trình bày không thể thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết để anh T gửi lời khai về do không thể liên hệ được với anh T. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh T gửi về. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn T, anh T hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 4801/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin XNC ngày 10/4/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an), địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam: thôn Thanh Cẩm, xã Tân T, thành phố Bắc G, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 24/4/2016, chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh N. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ra thuê nhà ở riêng tại Tiên Du, không ở cùng bố mẹ chồng. Ngày 08/12/2016, chị sinh bé gái là Hoàng Hải An. Sau khi chị sinh con thì anh T có ý định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng chị không đồng ý vì con còn nhỏ và điều kiện kinh tế không cho phép. Ngày 26/7/2017, bất chấp sự phản đối của chị, anh T vẫn đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Anh T hứa rằng khi đi lao động sẽ cố gắng hỗ trợ tài chính để nuôi con, tuy nhiên trong suốt thời gian gần 02 năm chị gần như không nhận được sự hỗ trợ gì. Tháng 7/2019 anh T vi phạm hợp đồng với Công ty tự ý ra ngoài làm việc tự do. Từ tháng 10/2019 đến nay mặc dù đã hết hạn cư trú hợp pháp nhưng anh T vẫn không trở về nước mà vẫn sinh sống bất hợp pháp ở đó. Trong khoảng thời gian này hai vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung.

Qua xác minh địa phương thì thấy: Về tình trạng hôn nhân của chị H và anh T địa phương không nắm được do anh T và chị H không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải. Nay chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Anh Hải và chị Tuyền đã có thời gian ly thân từ năm 2017 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4]. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Cháu A, sinh ngày 08/12/2016. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu xin được nuôi con chung của chị H là chính đáng. Hiện nay, anh T đang ở nước ngoài, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, cần giao con chung là Cháu A, sinh ngày 08/12/2016 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Hoàng Văn T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung trưởng thành trên 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp đủ. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 83; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 115; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Cháu A, sinh ngày 08/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Văn T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000649 ngày 21/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Buộc anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Hoàng Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Bê Nguyễn Xuân Chuyên

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Trần Thị Hà

Noinhân:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Liễu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Quốc Hùng